

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 15 tháng 5 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi cụ thể như sau:

- Thay đổi lần thứ hai ngày 02/11/2007 về việc thay đổi cổ đông sáng lập từ Công ty Chế Biến Thực Phẩm Số Một thành Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức;
- Thay đổi lần thứ ba ngày 09/01/2008 về việc thay đổi chức danh Tổng Giám đốc từ Bà Đỗ Thị Thu Hằng thành Bà Lương Minh Hiền;
- Thay đổi lần thứ tư ngày 18/05/2009 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh theo mã số doanh nghiệp: 3600890938;
- Thay đổi lần thứ năm ngày 10/11/2009 về việc thay đổi số cổ phần và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- Thay đổi lần thứ sáu ngày 31/05/2010 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh;
- Thay đổi lần thứ bảy ngày 04/07/2011 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh;
- Thay đổi lần thứ tám ngày 11/10/2013 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	1.000.000	10.000.000.000	20,00%
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Môi Trường Đô Thị Biên Hòa	500.000	5.000.000.000	10,00%
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	250.000	2.500.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	250.000	2.500.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	150.000	1.500.000.000	3,00%
Công ty TNHH Dịch Vụ Quảng Cáo C.M.N	150.000	1.500.000.000	3,00%
Công ty TNHH Một thành viên Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	100.000	1.000.000.000	2,00%
Công ty TNHH Tiên Triết	100.000	1.000.000.000	2,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	100.000	1.000.000.000	2,00%
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	100.000	1.000.000.000	2,00%
Công ty Cổ phần Công trình giao thông Đồng Nai	100.000	1.000.000.000	2,00%
Các cổ đông còn lại	2.200.000	22.000.000.000	44,00%
Cộng	5.000.000	50.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: tầng 8, tòa nhà Sonadezi, số 01, đường số 1, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 8890.888 Fax : (061) 8890.199
Email : sdv@sonadezi-sdv.com.vn Website : www.sonadezi-sdv.com.vn
Mã số thuế : 3 6 0 0 8 9 0 9 3 8

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11 tháng 10 năm 2013 bao gồm: Xử lý các loại nước thải và chất thải (sinh hoạt, công nghiệp nguy hại và đô thị); Thu gom, phân loại, đóng gói và vận chuyển chất thải, rác thải; Dịch vụ tư vấn kỹ thuật về môi trường và tài nguyên; Tư vấn, mua bán, trồng và chăm sóc cây xanh, thảm cỏ; Kinh doanh nhà hàng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 35).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Long Bôn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/03/2013
Ông Trần Hòa Hiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/04/2013
Bà Lương Minh Hiền	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2013
Ông Vũ Trọng Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Ông Bạch Văn Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Ông Lê Anh Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/04/2013
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/04/2013
Bà Nguyễn Thu Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Bà Nguyễn Mai An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Lương Minh Hiền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2008
Ông Trần Quang Thờa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/07/2007
Ông Nguyễn Duy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2010

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lương Minh Hiền

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Số : 027/2014/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi ("Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
FAC

Hoàng Lam - Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0701-2013-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Xuân Dũng - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1494-2013-099-1

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.222.382.754	92.187.998.743
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	3.080.927.905	3.279.789.032
1. Tiền	111		3.080.927.905	1.279.789.032
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.592.708.323	81.338.486.034
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 2	7.233.101.556	8.127.842.833
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 3	2.626.053.677	852.423.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 4	28.837.714.841	72.491.354.507
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	IV. 5	(104.161.751)	(133.134.706)
IV. Hàng tồn kho	140		6.932.266.826	7.249.140.320
1. Hàng tồn kho	141	IV. 6	6.932.266.826	7.249.140.320
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		616.479.700	320.583.357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		126.868.100	307.823.285
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 7	489.611.600	12.760.072

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường số 1,
KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.002.838.886	74.980.583.979
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		83.910.397.189	41.988.198.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 8	37.080.310.255	39.027.484.121
<i>Nguyên giá</i>	222		51.203.477.807	50.021.577.141
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.123.167.552)	(10.994.093.020)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 9	96.936.120	38.831.496
<i>Nguyên giá</i>	228		147.663.000	92.663.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(50.726.880)	(53.831.504)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 10	46.733.150.814	2.921.882.718
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		25.137.250.000	32.137.250.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	IV. 11	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	IV. 12	23.137.250.000	30.137.250.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		955.191.697	855.135.644
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 13	740.355.397	855.135.644
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	IV. 14	214.836.300	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		159.225.221.640	167.168.582.722

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường số 1,
KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		74.760.818.488	87.958.774.100
I. Nợ ngắn hạn	310		49.937.095.361	81.581.263.725
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV. 15	25.765.071.850	59.639.733.624
2. Phải trả người bán	312	IV. 16	9.982.921.982	4.680.272.743
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 17	378.386.867	8.319.087.978
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 18	185.588.624	188.658.308
5. Phải trả người lao động	315		4.230.067.398	4.725.240.372
6. Chi phí phải trả	316	IV. 19	142.963.217	736.960.591
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 20	5.407.531.770	1.234.097.511
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 21	3.844.563.653	2.057.212.598
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.823.723.127	6.377.510.375
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV. 22	21.000.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	IV. 23	80.296.500	3.514.870.600
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	IV. 24	3.743.426.627	2.862.639.775
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.464.403.152	79.209.808.622
I. Vốn chủ sở hữu	410		84.464.403.152	79.209.808.622
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 25	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	IV. 25	13.028.249.534	10.434.229.052
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 25	2.779.918.675	2.062.195.708
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 25	18.656.234.943	16.713.383.862
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		159.225.221.640	167.168.582.722

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		258,47	258,47
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2014



Đặng Hải Bằng
Người lập biểu



Huỳnh Phú Hào
Kế toán trưởng



Lương Minh Hiền
Tổng Giám đốc

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	108.698.749.390	93.347.464.174
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	108.698.749.390	93.347.464.174
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	76.399.341.352	59.119.583.083
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.299.408.038	34.227.881.091
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	1.867.962.158	2.788.383.931
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	6.308.143.806	10.090.041.058
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.152.989.168	8.167.986.997
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 5	10.899.742.187	9.994.001.751
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.959.484.203	16.932.222.213
11. Thu nhập khác	31	V. 6	2.097.663.232	317.997.573
12. Chi phí khác	32	V. 7	2.322.197.242	1.439.878.916
13. Lợi nhuận khác	40		(224.534.010)	(1.121.881.343)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.734.950.193	15.810.340.870
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 8	822.374.608	727.940.767
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.912.575.585	15.082.400.103
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V. 9	3.183	3.016

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2014



Đặng Hải Bằng
Người lập biểu



Huỳnh Phú Hào
Kế toán trưởng



Lương Minh Hiền
Tổng Giám đốc

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.734.950.193	15.810.340.870
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV. 8,9	3.125.969.908	3.972.556.514
- Các khoản dự phòng	03		(28.972.955)	80.226.761
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.867.962.158)	(1.953.095.409)
- Chi phí lãi vay	06	V. 4	6.142.989.168	10.089.571.129
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.106.974.156	27.999.599.865
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.502.132.775)	(73.385.968.071)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		316.873.494	(4.582.395.774)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(27.301.814)	(22.082.833.628)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		114.780.247	654.848.013
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.142.989.168)	(9.815.260.534)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	IV. 18	719.835.990	(828.059.443)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	551.125.295
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.800.302.600)	(832.457.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.785.737.530	(82.321.401.527)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.287.911.541)	(4.483.813.582)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(56.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	56.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		14.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.867.962.158	2.788.383.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.580.050.617	(1.695.429.651)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	IV. 15,22	64.682.814.716	90.127.839.928
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	IV. 15,22	(77.557.476.490)	(30.488.106.304)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.689.987.500)	(7.024.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.564.649.274)	52.615.233.624
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(198.861.127)	(31.401.597.554)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	3.279.789.032	34.681.856.515
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(469.929)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	3.080.927.905	3.279.789.032

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2014


Đặng Hải Bằng
Người lập biểu


Huỳnh Phú Hào
Kế toán trưởng




Lương Minh Hiền
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 15 tháng 5 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi cụ thể như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp
Thay đổi cổ đông sáng lập từ Công ty Chế Biến Thực Phẩm Số Một thành Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	4703000382	02/11/2007
Thay đổi chức danh Tổng Giám đốc từ Bà Đỗ Thị Thu Hằng thành Bà Lương Minh Hiền	4703000382	09/01/2008
Thay đổi ngành nghề kinh doanh theo mã số doanh nghiệp	3600890938	18/05/2009
Thay đổi số cổ phần và giá trị vốn cổ phần đã góp	3600890938	10/11/2009
Bổ sung ngành nghề kinh doanh	3600890938	31/05/2010
Bổ sung ngành nghề kinh doanh	3600890938	04/07/2011
Thay đổi địa chỉ trụ sở chính	3600890938	11/10/2013

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 VND

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 11 tháng 10 năm 2013 bao gồm: Xử lý các loại nước thải và chất thải (sinh hoạt, công nghiệp nguy hại và đô thị); Thu gom, phân loại, đóng gói và vận chuyển chất thải, rác thải; Dịch vụ tư vấn kỹ thuật về môi trường và tài nguyên; Tư vấn, mua bán, trồng và chăm sóc cây xanh, thảm cỏ; Kinh doanh nhà hàng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: tầng 8, tòa nhà Sonadezi, số 01, đường số 1, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 135 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 128 người).

2. Công ty con

Trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty có công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi với tỷ lệ sở hữu là 100% vốn điều lệ của Công ty con.

Thông tin chi tiết về công ty con được trình bày tại thuyết minh IV.1.

4. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Long Bôn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/03/2013
Ông Trần Hòa Hiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/04/2013
Bà Lương Minh Hiền	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2013
Ông Vũ Trọng Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Ông Bạch Văn Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2007
Ông Lê Anh Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/05/2012

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày theo nguyên tắc giá gốc dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

2. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.

4. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ tài chính ban hành thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

7. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04-20 năm
- Máy móc và thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	05-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04-06 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	05-10 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	05-08 năm

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần 24 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh.

12. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

13. Đầu tư dài hạn khác và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

14. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các loại tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính niêm yết và không niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tiền mặt tại quỹ	1.421.139	11.514.818
Tiền gửi ngân hàng	3.079.506.766	1.268.274.214
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	-	2.000.000.000
Cộng	<u>3.080.927.905</u>	<u>3.279.789.032</u>

2. Phải thu của khách hàng

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	1.322.175.166	1.507.966.972
Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 3	-	31.764.700
Phòng tài nguyên môi trường huyện Thống Nhất	2.134.816.560	-
Xí nghiệp Dịch Vụ Khu Công Nghiệp Giang Điền	127.438.621	98.845.000
Công ty TNHH Tiên Triết	-	14.744.400
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	90.079.025	18.261.100
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	112.055.500	13.532.248
Các khách hàng khác	3.446.536.684	6.442.728.413
Cộng	<u>7.233.101.556</u>	<u>8.127.842.833</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 01, Đường số 1,
KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
Trả trước cho các nhà thầu về mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản	2.436.162.590	71.789.790
- Công ty TNHH Xuân Quý	628.636.346	71.789.790
- Công ty ACC	440.704.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (LICOGI 9)	931.455.762	-
- Các nhà cung cấp khác	435.366.482	-
Trả trước cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	189.891.087	780.633.610
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lắp Điện	-	443.163.900
- Các nhà cung cấp khác	189.891.087	337.469.710
Cộng	2.626.053.677	852.423.400

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Phải thu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.130.366	37.767.281
Ứng chi phí bồi thường giải phòng mặt bằng	21.414.969.500	72.360.721.718
Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai	2.062.692.933	-
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	-	37.960.909
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	107.922.042	14.540.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	3.500.000.000	5.445.000
Chi phí hỗ trợ các hộ dân bị ảnh hưởng trên lưu vực Bà Chèo	1.750.000.000	-
Các khoản khác	-	34.919.599
Cộng	28.837.714.841	72.491.354.507

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2013	01/01/2013
Dự phòng cho các khoản nợ chưa quá hạn nhưng xác định khó đòi	51.253.806	51.253.806
Dự phòng cho các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	28.972.955
Dự phòng cho các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	-	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	52.907.945	52.907.945
Cộng	104.161.751	133.134.706

6. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	787.394.101	808.588.854
Công cụ, dụng cụ trong kho	37.258.575	36.847.411
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.107.614.150	6.403.704.055
Cộng	6.932.266.826	7.249.140.320

Mẫu B 09-DN

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Tạm ứng công nhân viên	489.611.600	12.760.072
Cộng	489.611.600	12.760.072

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2013	30.547.139.257	14.283.299.955	3.105.098.521	2.086.039.408	50.021.577.141
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.212.787.074	-	372.002.737	-	1.584.789.811
Mua sắm mới	222.347.009	1.538.888.700	-	-	1.761.235.709
Giảm do hư hỏng	-	-	-	(5.255.000)	(5.255.000)
Chuyển sang công cụ dụng cụ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013	(163.118.900)	(1.184.887.051)	(45.446.000)	(765.417.903)	(2.158.869.854)
Tại 31/12/2013	31.819.154.440	14.637.301.604	3.431.655.258	1.315.366.505	51.203.477.807
Trong đó đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	138.780.323	376.033.628	-	-	514.813.951
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2013	4.323.744.818	4.086.145.942	1.007.762.171	1.576.440.089	10.994.093.020
Trích khấu hao	1.954.639.368	2.068.718.065	428.686.248	166.153.904	4.618.197.585
Chuyển sang công cụ dụng cụ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013	(120.374.139)	(795.394.846)	(29.986.955)	(543.367.113)	(1.489.123.053)
Tại 31/12/2013	6.158.010.047	5.359.469.161	1.406.461.464	1.199.226.880	14.123.167.552
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2013	26.223.394.439	10.197.154.013	2.097.336.350	509.599.319	39.027.484.121
Tại 31/12/2013	25.661.144.393	9.277.832.443	2.025.193.794	116.139.625	37.080.310.255

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại 01/01/2013	92.663.000	53.831.504	38.831.496
Phát sinh tăng	70.000.000	11.895.376	-
Chuyển sang công cụ dụng cụ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013	(15.000.000)	(15.000.000)	-
Tại 31/12/2013	147.663.000	50.726.880	96.936.120

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	46.733.150.814	2.921.882.718
- Khu xử lý chất thải Quang Trung, huyện Thống Nhất	<u>46.733.150.814</u>	<u>2.921.882.718</u>
Cộng	<u>46.733.150.814</u>	<u>2.921.882.718</u>

11. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi với tỷ lệ góp vốn 100%.

Công ty TNHH một thành viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3601635899 ngày 29 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty có trụ sở chính tại số 22B đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vốn điều lệ của Công ty là 2.000.000.000 VND.

12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>31/12/2013</u>		<u>01/01/2013</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (mệnh giá 10.000 VND)	-	-	700.000	7.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (mệnh giá 10.000 VND)	804.290	20.137.250.000	804.290	20.137.250.000
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Xăng dầu Vĩnh Phú (chiếm 27,27% vốn điều lệ)		<u>3.000.000.000</u>		<u>3.000.000.000</u>
Cộng		<u>23.137.250.000</u>		<u>30.137.250.000</u>

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Số dư tại 01/01	855.135.644	1.509.983.657
Phát sinh trong năm	1.621.192.957	7.059.735.573
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(1.735.973.204)	(1.727.189.142)
Kết chuyển khác	-	(5.987.394.444)
Số dư tại 31/12	<u>740.355.397</u>	<u>855.135.644</u>

14. Tài sản dài hạn khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	214.836.300	-
Cộng	<u>214.836.300</u>	<u>-</u>

15. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2013	Số tiền vay trong năm/ Vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Đánh giá lại	Tại ngày 31/12/2013
Vay ngắn hạn	19.139.733.624	43.682.814.716	37.057.476.490	-	25.765.071.850
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Nai theo hạn mức (a)	6.139.733.624	17.917.742.866	24.057.476.490	-	-
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Nai từng lần (b)	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-	-
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Nai từng lần (c)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Nai theo hạn mức (d)	-	5.765.071.850	-	-	5.765.071.850
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (e)	-	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh V.21)	40.500.000.000	-	40.500.000.000	-	-
Cộng	59.639.733.624	43.682.814.716	77.557.476.490	-	25.765.071.850

- (a) Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Đồng Nai bằng tiền Đồng Việt Nam theo hạn mức tín dụng để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay tối đa 3 tháng cho từng giấy nhận nợ, lãi suất cố định trong thời gian vay bằng 12,5%/năm. Cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (b) Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Đồng Nai bằng tiền Đồng Việt Nam theo phương thức từng lần để thanh toán chi phí đền bù giải tỏa của dự án đầu tư khu xử lý chất thải Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất thả nổi và bằng lãi suất cơ sở + biên độ. Biên độ áp dụng hiện nay là 3,8%/năm và lãi suất cơ sở hiện nay 14%/năm. Cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (c) Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Đồng Nai bằng tiền Đồng Việt Nam theo phương thức từng lần để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2012 đến ngày 03 tháng 01 năm 2013; lãi suất ghi trên sổ tiết kiệm + biên độ 2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc cầm cố Chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng do Chi nhánh NH TMCP Công Thương Đồng Nai phát hành, mệnh giá 2 tỷ đồng, phát hành từ ngày 03/12/2012 đến hạn ngày 03/01/2013.
- (d) Khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Đồng Nai bằng tiền Đồng Việt Nam theo hạn mức tín dụng để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay tối đa 3 tháng cho từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng cho vay được đảm bảo bởi các tài sản theo hợp đồng cầm cố tài sản số 12.62.8032/HĐCC ngày 28/08/2012, hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-13.62.8032/HĐTC ngày 31/07/2013 và hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 02-13.62.8032/HĐTC ngày 08/11/2013.
- (e) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai bằng tiền Đồng Việt Nam với tổng số tiền là 20.000.000.000 VND để hoàn vốn kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Khu xử lý rác thải Quang Trung, huyện Thống Nhất; thời hạn vay: 11 tháng với lãi suất cố định 9%/năm.

Mẫu B 09-DN

16. Phải trả cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
Phải trả cho các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định của Công ty	779.270.123	1.231.197.060
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	437.684.105	350.444.101
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 2	-	241.619.006
- Các nhà thầu khác	341.586.018	639.133.953
Phải trả cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty	9.203.651.859	3.449.075.683
- Công ty TNHH Vũ Hoàng	2.505.918.800	789.898.450
- Cửa hàng Ngọc Lan	162.717.500	305.877.920
- Công ty TNHH Một thành viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	107.800.000	97.900.000
- Các nhà cung cấp khác	6.427.215.559	2.255.399.313
Cộng	9.982.921.982	4.680.272.743

17. Người mua trả tiền trước

	31/12/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	8.168.272.038
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	60.000.000	-
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	36.918.990	37.500.000
Các khách hàng khác	281.467.877	113.315.940
Cộng	378.386.867	8.319.087.978

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	160.333.010	160.333.010	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.467.508	822.374.608	719.835.990	116.006.126
Thuế thu nhập cá nhân	175.190.800	538.449.060	644.057.362	69.582.498
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	188.658.308	1.524.156.678	1.527.226.362	185.588.624

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Hoạt động xử lý nước thải, chất thải và vận chuyển chất thải	Không chịu thuế
- Hoạt động xử lý chất thải đối với doanh nghiệp chế xuất	0%
- Cung cấp nước	5%
- Các hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.17 và thuyết minh V.8.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

19. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Chi phí lãi vay ngân hàng	53.358.453	274.310.595
Chi phí duy tu hạ tầng Khu công nghiệp	-	353.375.996
Các khoản chi phí khác	89.604.764	109.274.000
Cộng	<u>142.963.217</u>	<u>736.960.591</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Kinh phí công đoàn	21.839.200	21.839.200
Bảo hiểm xã hội	45.573.161	21.005.210
Cổ tức chưa thanh toán	4.189.987.500	516.825.000
Khoản tiền mượn của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	1.100.000.000	600.000.000
Các khoản khác	50.131.909	74.428.101
Cộng	<u>5.407.531.770</u>	<u>1.234.097.511</u>

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Số dư tại 01/01	2.057.212.598	2.879.669.848
Trích từ lợi nhuận sau thuế	3.157.981.055	248.904.313
Chi khen thưởng, phúc lợi	(1.370.630.000)	(832.457.250)
Giảm quỹ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2012	-	(238.904.313)
Kết chuyển quỹ khen thưởng sang phải trả khác	-	-
Số dư tại 31/12	<u>3.844.563.653</u>	<u>2.057.212.598</u>

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Số dư tại 01/01	-	-
Vay trong năm	21.000.000.000	64.500.000.000
Trả nợ vay trong năm	-	(24.000.000.000)
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	-	(40.500.000.000)
Số dư tại 31/12	<u>21.000.000.000</u>	<u>-</u>

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai để bù đắp chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (bổ sung) của Dự án xây dựng Khu xử lý chất thải Quang Trung tại ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai với số tiền: 21.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 15 tháng với lãi suất 12,5%/năm. Hợp đồng vay được đảm bảo bởi Hợp đồng cầm cố tài sản số 12.62.8032/HĐCC ngày 28/08/2012 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-13.62.8032/HĐTC ngày 31/07/2013.

23. Doanh thu chưa thực hiện

	Năm 2013	Năm 2012
Số dư tại 01/01	3.514.870.600	1.655.209.444
Nhận trước về tiền xử lý chất thải	12.089.018.199	12.175.596.573
Kết chuyển doanh thu trong năm	(15.523.592.299)	(10.315.935.417)
Số dư tại 31/12	80.296.500	3.514.870.600

24. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích 5% lợi nhuận trước thuế và được hạch toán vào chi phí quản lý trong kỳ. Chi tiết biến động quỹ trong năm như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
Số dư tại 01/01	2.862.639.775	2.030.516.571
Trích lập trong năm	880.786.852	832.123.204
Sử dụng quỹ trong năm	-	-
Số dư tại 31/12	3.743.426.627	2.862.639.775

25. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2012	50.000.000.000	9.928.554.745	2.062.195.708	9.646.658.066	71.637.408.519
Lợi nhuận sau thuế năm 2012	-	-	-	15.082.400.103	15.082.400.103
Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	505.674.307	-	(505.674.307)	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	(248.904.313)	(248.904.313)
Trích tiền chia cổ tức năm 2011	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tặng do giảm Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	238.904.313	238.904.313
Tại 31/12/2012	50.000.000.000	10.434.229.052	2.062.195.708	16.713.383.862	79.209.808.622
Tại 01/01/2013	50.000.000.000	10.434.229.052	2.062.195.708	16.713.383.862	79.209.808.622
Lợi nhuận sau thuế năm 2013	-	-	-	15.912.575.585	15.912.575.585
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	2.594.020.482	717.722.967	(6.469.724.504)	(3.157.981.055)
Trích tiền chia cổ tức năm 2012	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tại 31/12/2013	50.000.000.000	13.028.249.534	2.779.918.675	18.656.234.943	84.464.403.152

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	01/01/2013
Cổ đông		
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức

- Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 08 tháng 5 năm 2012, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2011 bằng tiền với tỷ lệ 15%/ mệnh giá cổ phần, tương đương số tiền 7.500.000.000 đồng. Công ty đã trả 7.024.500.000 đồng cổ tức năm 2011 cho các cổ đông trong năm 2012. Đồng thời đại hội cũng thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2012 ở mức 15%/ mệnh giá cổ phần.
- Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2012 bằng tiền với tỷ lệ 15%/ mệnh giá cổ phần, tương đương số tiền 7.500.000.000 đồng. Công ty đã trả 3.310.012.500 đồng cổ tức năm 2012 cho các cổ đông trong năm 2013. Đồng thời đại hội cũng thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2013 ở mức 15%/ mệnh giá cổ phần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013	Năm 2012
Tổng doanh thu	108.698.749.390	93.347.464.174
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	108.698.749.390	93.347.464.174
Trong đó:		
- Doanh thu xử lý nước thải, chất thải khu công nghiệp	66.063.640.352	57.210.771.160
- Doanh thu xử lý chất thải khu Quang Trung	23.510.796.958	18.161.767.799
- Doanh thu hoạt động khác	19.124.312.080	17.974.925.215

Mẫu B 09-DN

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn xử lý nước thải, chất thải khu công nghiệp	47.150.339.483	32.240.927.669
Giá vốn xử lý chất thải khu Quang Trung	13.961.115.496	10.489.676.250
Giá vốn dịch vụ khác	15.287.886.373	16.388.979.164
Cộng	76.399.341.352	59.119.583.083

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi ngân hàng	66.478.496	739.906.017
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.801.483.662	2.048.477.914
Cộng	1.867.962.158	2.788.383.931

4. Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí lãi vay	6.142.989.168	8.167.986.997
Chiết khấu thanh toán	155.154.638	1.921.584.132
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	469.929
Chuyển nhượng chứng khoán	10.000.000	-
Cộng	6.308.143.806	10.090.041.058

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí cho nhân viên	3.749.714.755	3.701.394.223
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	38.963.318	66.623.837
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.115.974.826	1.137.083.153
Chi phí dự phòng	(28.972.955)	-
Thuế, phí và lệ phí	46.074.944	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.017.490.801	1.101.165.125
Chi phí khác bằng tiền	4.960.496.498	3.987.735.413
Cộng	10.899.742.187	9.994.001.751

6. Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
Thu tiền điện, nước	218.942.359	39.497.280
Hoàn nhập chi phí lương không chi hết năm trước	-	77.674.034
Thu nhập từ bàn giao đường dây 22KV	1.875.175.394	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	103.346.011
Thu nhập vận hành, chạy thử	-	79.253.000
Các khoản thu nhập khác	3.545.479	18.227.248
Cộng	2.097.663.232	317.997.573

7. Chi phí khác

	Năm 2013	Năm 2012
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	556.352.394
Thanh lý tài sản cố định	-	835.288.522
Chi phí công trình đường dây 22KV	2.255.012.138	-
Các khoản chi phí khác	67.185.104	48.238.000
Cộng	2.322.197.242	1.439.878.916

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000295 ngày 06 tháng 11 năm 2007 do Ban Quản lý Khu Công Nghiệp Đồng Nai cấp, Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh các dịch vụ phục vụ khu công nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ khi Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 25% trong các năm tiếp theo, được miễn thuế trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 6 năm tiếp theo. Hoạt động kinh doanh này có thu nhập chịu thuế từ năm 2007.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000225 ngày 06 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh xử lý nước thải, chất thải với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 25% trong các năm tiếp theo, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Hoạt động kinh doanh này có thu nhập chịu thuế từ năm 2007.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000270 ngày 22 tháng 7 năm 2010 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án Khu xử lý chất thải Quang Trung với thuế suất 10%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được ước tính như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.734.950.193	15.810.340.870
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	279.228.721	796.952.394
Các khoản chi phí không được trừ	279.228.721	796.952.394
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.801.483.662)	(2.048.477.914)
Thu nhập không chịu thuế	(1.801.483.662)	(2.048.477.914)
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	15.212.695.252	14.558.815.350
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (25%)	3.803.173.813	3.639.703.838
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác mức thuế suất 25%	(2.281.904.288)	(2.183.822.303)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm trong kỳ tính thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	(698.894.917)	(727.940.768)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	822.374.608	727.940.767

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.912.575.585	15.082.400.103
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.183	3.016

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.959.509.607	14.501.690.538
Chi phí nhân công	14.684.350.552	11.315.932.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.200.673.953	1.940.973.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.748.374.520	4.981.684.602
Chi phí khác bằng tiền	1.111.542.497	33.290.116.648
Cộng	75.704.451.129	66.030.397.704

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi	Công ty con
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Cổ đông lớn, sở hữu 20% vốn chủ sở hữu
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai	Cổ đông lớn, sở hữu 10% vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Cổ đông lớn, sở hữu 5% vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	Cổ đông lớn, sở hữu 5% vốn chủ sở hữu
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Mẫu B 09-DN

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2013	Năm 2012
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi		
Mua dịch vụ	-	235.400.000
Trả tiền mua dịch vụ	-	148.500.000
Nhận tiền chia lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.366.992.195	500.000.000
Mượn tiền	500.000.000	1.100.000.000
Cần trừ tiền mượn với lợi nhuận được chia năm 2011 và 2012	-	500.000.000
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp		
Cung cấp dịch vụ	5.267.291.580	6.427.649.347
Thu tiền cung cấp dịch vụ	5.151.203.318	6.233.640.741
Chi trả cổ tức	-	1.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai		
Chi trả cổ tức	-	750.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành		
Cung cấp dịch vụ	24.651.394.533	21.012.739.086
Thu tiền sử dụng dịch vụ	16.411.304.570	9.352.348.852
Chi trả cổ tức	375.000.000	375.000.000
Bán 700.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	7.000.000.000	375.000.000
Nhận tiền bán cổ phiếu	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2		
Chi trả cổ tức	-	375.000.000
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền thù lao	312.000.000	240.600.000
Tiền thưởng	340.000.000	275.000.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương	208.235.000	1.457.190.173
Tiền thưởng	60.000.000	40.000.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:		
Bên liên quan / Công nợ	Năm 2013	Năm 2012
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp		
- Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	112.055.500	13.532.248
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành		
- Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	90.079.025	18.261.100
Nợ phải thu	202.134.525	31.793.348

Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp

- Nhận trước tiền cung cấp dịch vụ	36.918.990	37.500.000
------------------------------------	------------	------------

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành

- Nhận trước tiền cung cấp dịch vụ	-	8.168.272.038
------------------------------------	---	---------------

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Bảo Vệ Sonadezi

- Phải trả tiền mua dịch vụ	107.800.000	97.900.000
- Phải trả tiền tạm mượn	1.100.000.000	600.000.000

Nợ phải trả

1.244.718.990	8.903.672.038
----------------------	----------------------

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, các khoản vay ngân hàng. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty còn có nhiều tài sản tài chính khác như các khoản phải thu thương mại, tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

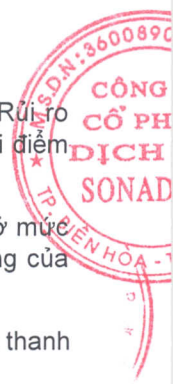
Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2012				
Các khoản vay và nợ	59.639.733.624	21.000.000.000	-	80.639.733.624
Phải trả người bán	4.680.272.743	-	-	4.680.272.743
Chi phí phải trả	736.960.591	-	-	736.960.591
Các khoản phải trả khác	1.234.097.511	-	-	1.234.097.511
Cộng	66.291.064.469	21.000.000.000	-	87.291.064.469
Tại ngày 31/12/2013				
Các khoản vay và nợ	59.639.733.624	-	-	59.639.733.624
Phải trả người bán	4.680.272.743	-	-	4.680.272.743
Chi phí phải trả	736.960.591	-	-	736.960.591
Các khoản phải trả khác	1.234.097.511	-	-	1.234.097.511
Cộng	66.291.064.469	-	-	66.291.064.469



Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2013		01/01/2013		31/12/2013	01/01/2013
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.080.927.905	-	3.279.789.032	-	3.080.927.905	3.279.789.032
Phải thu khách hàng	7.233.101.556	(104.161.751)	8.127.842.833	(133.134.706)	7.128.939.805	7.994.708.127
Phải thu khác	28.837.714.841	-	72.491.354.507	-	28.837.714.841	72.491.354.507
Tài sản tài chính dài hạn	23.137.250.000	-	30.137.250.000	-	23.137.250.000	30.137.250.000
Cộng	62.288.994.302	(104.161.751)	114.036.236.372	(133.134.706)	62.184.832.551	113.903.101.666

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	Các khoản vay và nợ	46.765.071.850	59.639.733.624	46.765.071.850
Phải trả người bán	9.982.921.982	4.680.272.743	9.982.921.982	4.680.272.743
Chi phí phải trả	142.963.217	736.960.591	142.963.217	736.960.591
Các khoản phải trả khác	13.510.838.556	22.713.148.834	13.510.838.556	22.713.148.834
Cộng	70.401.795.605	87.770.115.792	70.401.795.605	87.770.115.792

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31/12/2012, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2014



Đặng Hải Bằng
Người lập biểu



Huỳnh Phú Hào
Kế toán trưởng



Lương Minh Hiền
Tổng Giám đốc

